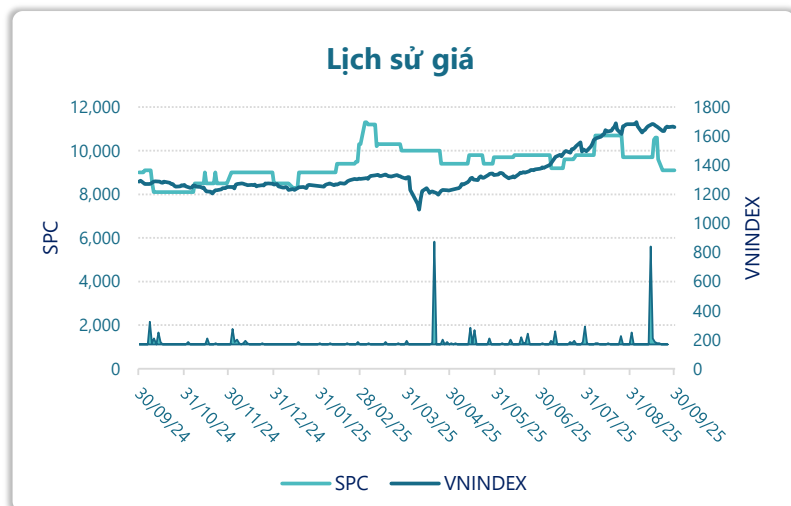


CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (HNX: SPC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	9,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,100
SL cổ phiếu LH	10,530,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	185
% sở hữu nước ngoài	9.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	96
P/E	-8.9
EPS	-1,018

DT thuần

Q3/25

235

tỷ VNĐ

QoQ: ▼49.0 | -17.1%

YoY: ▲ 5.00 | 2.3%

LN sau thuế

Q3/25

5.25

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.85 | -48.0%

YoY: ▲ 10.8 | 195%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.3%

+/- YoY: ▲ 4.5%

DT thuần

9T 2025

715

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 39.0 | 5.7%

LN sau thuế

9T 2025

12.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 36.9 | 151%

ROE

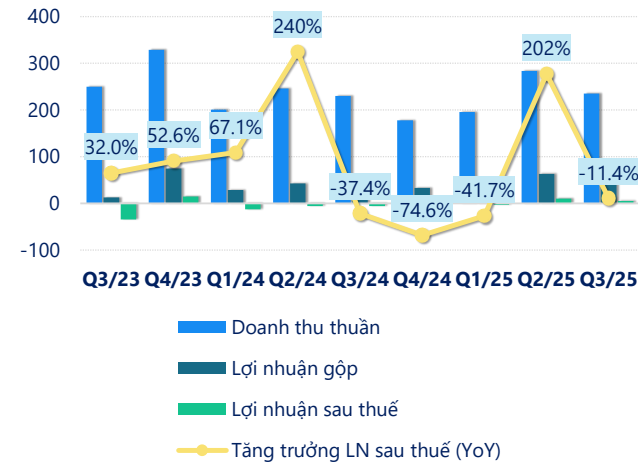
Q3/25

-7.6%

+/- YoY: ▼ 0.6%

tỷ VNĐ

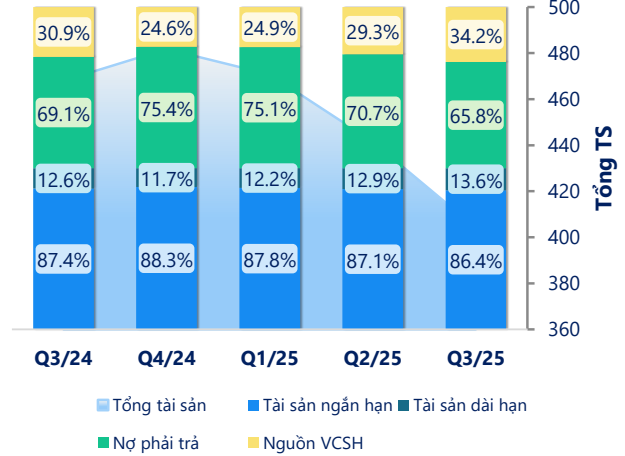
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

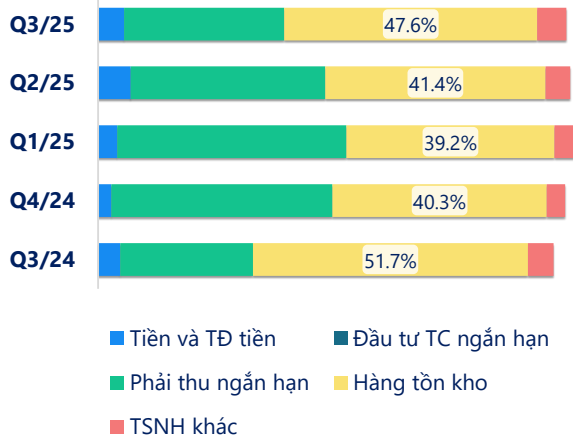
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



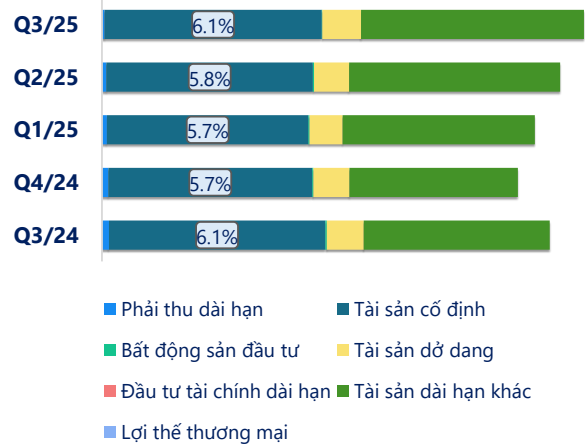
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

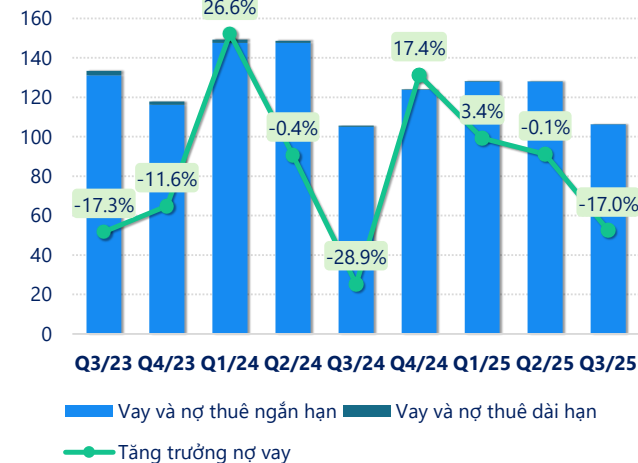
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

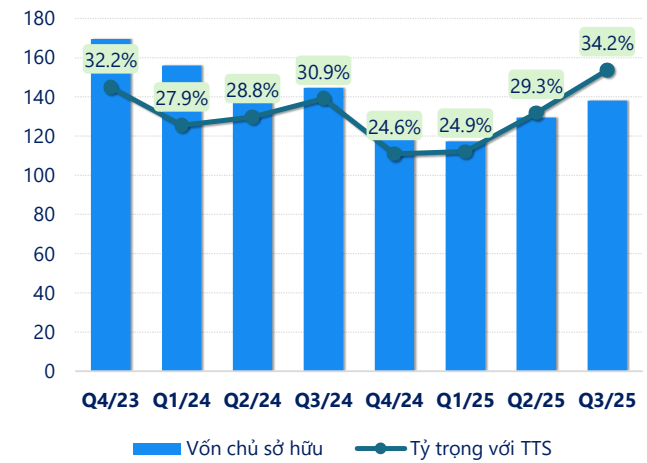
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

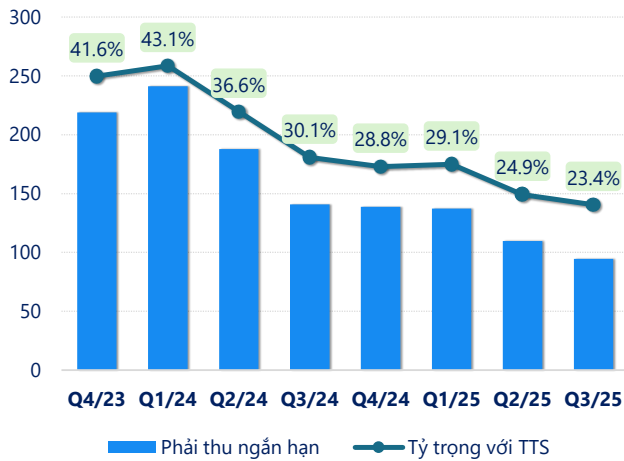
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



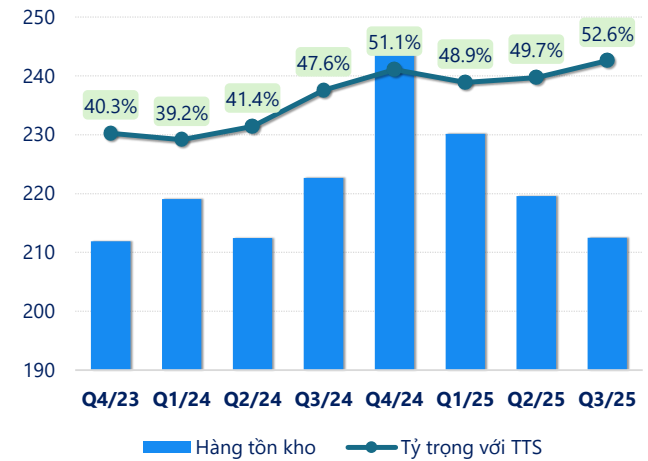
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


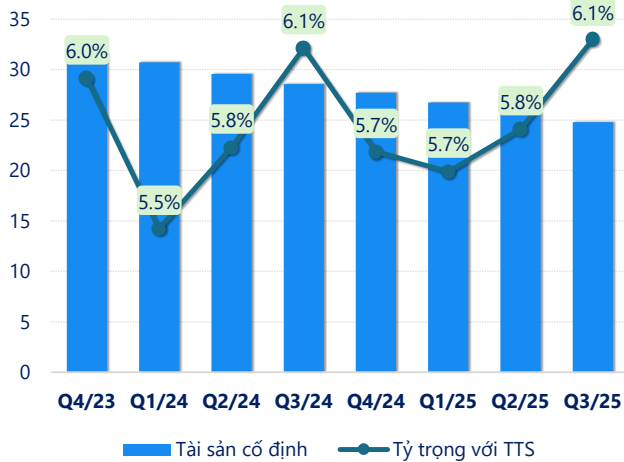
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


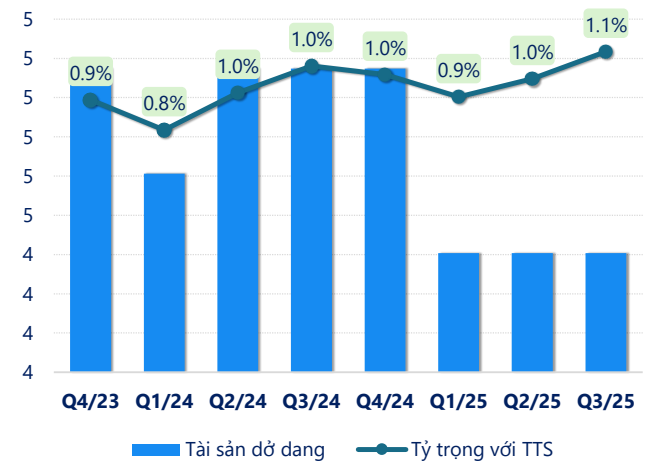
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

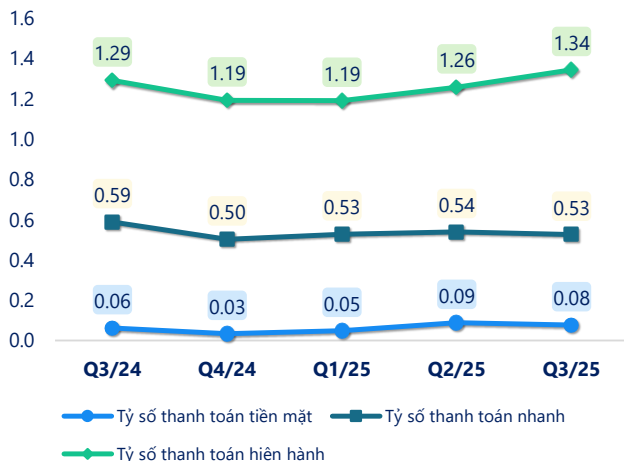
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

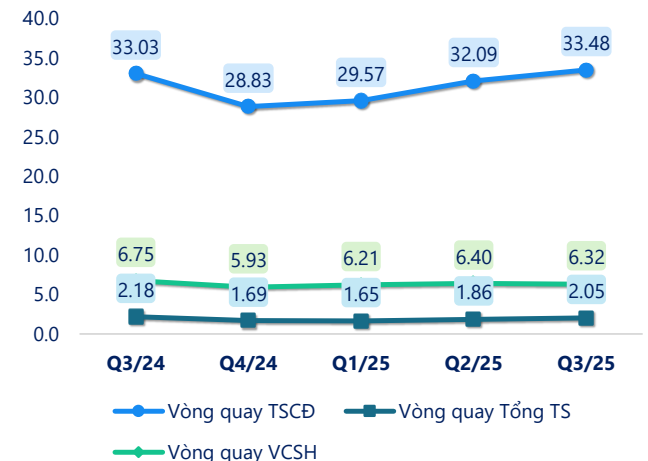
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	468	482	471	442	404
Tài sản ngắn hạn	409	425	413	384	349
Tiền và tương đương tiền	19.6	12.0	16.9	27.0	19.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	5.25	5.25	5.25
Phải thu ngắn hạn	141	139	137	110	94.6
Hàng tồn kho	223	246	230	220	213
Tài sản ngắn hạn khác	25.8	28.3	23.8	22.9	16.9
Tài sản dài hạn	59.1	56.5	57.5	57.1	54.9
Phải thu dài hạn	0.91	0.87	0.67	0.56	0.28
Tài sản cố định	28.6	27.7	26.7	25.7	24.8
Bất động sản đầu tư	0.20	0.18	0.14	0.11	0.08
Tài sản dở dang	4.87	4.87	4.40	4.40	4.40
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	24.6	22.9	25.5	26.3	25.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	323	363	353	312	266
Nợ ngắn hạn	316	356	347	306	260
Vay và nợ thuê ngắn hạn	105	124	128	128	106
Phải trả người bán ngắn hạn	172	200	191	145	119
Nợ dài hạn	7.02	6.68	6.66	6.53	6.45
Vay và nợ thuê dài hạn	0.58	0.35	0.35	0.15	0.15
Nguồn vốn chủ sở hữu	145	119	117	129	138
Vốn chủ sở hữu	145	119	117	129	138
Vốn điều lệ	105	105	105	105	105
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)